TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1489/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2039/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 08 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1951;

Căn cước công dân: 079051****** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp này 22/12/2021;

Địa chỉ: Số F, HT44, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ khác: Số A N, ấp L, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1964;

Căn cước công dân: 037164****** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp này 23/05/2024; Địa chỉ: Số F, HT44, Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ khác: Số A N, ấp L, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 8 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể

như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77, Quyển số 01/2009 tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 26/03/2009 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: Không có

c) Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

d) Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H chịu tiền lệ phí là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008016 ngày 10/8/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Thới Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Diệp Xuân Hà

TAND KHU VỰC 8

MDN040926.TLQDBA
9525